**TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC CỬU LONG**

https://tapchikhdhcl.edu.vn
https://vjol.info.vn/index.php/dhcl

***P-ISSN 3093-3196***
***E-ISSN 3093-3226***

# NÂNG CAO NĂNG LỰC THÍCH NGHI CỦA HỌC VIÊN NĂM THỨ NHẤT TẠI CÁC HỌC VIỆN, TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

*ENHANCING THE ADAPTABILITY OF FIRST-YEAR CADETS AT MILITARY ACADEMIES AND OFFICER TRAINING SCHOOLS IN VIETNAM: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS*

**Huỳnh Minh Thông, Lê Nguyễn Phúc Anh*, Nguyễn Thanh Huy**
*Trường Sĩ quan lục quân 2*
**Email: Thanh0hathu@gmail.com*

**DOI:** https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.03-e.1167
*Ngày nhận bài: 20/07/2026* *Ngày phản biện: 30/07/2026* *Ngày duyệt bài: 28/09/2026*

## TÓM TẮT

*Thích nghi với môi trường quân sự là yêu cầu nền tảng đối với học viên năm thứ nhất tại các học viện, trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập, rèn luyện và sự phát triển nghề nghiệp của mỗi học viên. Giai đoạn đầu nhập học thường đi kèm với những thay đổi lớn về môi trường sống, phương thức học tập, cường độ huấn luyện và yêu cầu chấp hành kỷ luật, khiến nhiều học viên gặp khó khăn trong quá trình hòa nhập. Nghiên cứu này nhằm phân tích những rào cản chủ yếu ảnh hưởng đến năng lực thích nghi của học viên năm thứ nhất, đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giáo dục và đào tạo trong các học viện, trường sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam.*

***Từ khóa:*** *học viên năm thứ nhất, thích nghi, trường sĩ quan, tâm lý quân sự, giáo dục quân sự.*

## ABSTRACT

*Adaptation to the military environment is a fundamental requirement for first-year cadets at Vietnamese military academies and officer training schools, directly influencing their academic performance, military training outcomes, and professional development. During the initial stage of enrollment, cadets experience significant changes in living conditions, learning methods, training intensity, and military discipline, creating considerable challenges in the adaptation process. This study aims to analyze the major barriers affecting first-year cadets' adaptability and propose practical solutions to improve educational management and training quality.*

***Keywords:*** *first-year cadets, adaptability, military academy, military psychology, military education.*

## GIỚI THIỆU

Đào tạo đội ngũ sĩ quan có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao và năng lực tổ chức, chỉ huy đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại là nhiệm vụ trọng tâm của các học viện, trường sĩ quan. Trong toàn bộ quá trình đào tạo, giai đoạn học viên năm thứ nhất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì đây là thời điểm chuyển tiếp từ môi trường dân sự sang môi trường quân sự chính quy. Mức độ thích nghi trong giai đoạn này ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập, rèn luyện, khả năng phát triển nghề nghiệp và ý thức gắn bó lâu dài với quân đội.

Thực tiễn đào tạo cho thấy phần lớn học viên năm thứ nhất phải đối mặt với nhiều thay đổi đồng thời về điều kiện sinh hoạt, phương thức học tập, cường độ huấn luyện và yêu cầu chấp hành nghiêm kỷ luật quân đội. Những thay đổi này dễ tạo ra áp lực về tâm lý, thể chất và khả năng thích ứng xã hội. Nếu không được hỗ trợ kịp thời, học viên có thể gặp khó khăn trong học tập, giảm động lực phấn đấu, vi phạm kỷ luật hoặc không đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

Trong những năm gần đây, nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập đến khả năng thích nghi của quân nhân trẻ dưới góc độ tâm lý học quân sự, giáo dục học và khoa học quản lý. Các nghiên cứu tập trung làm rõ vai trò của đặc điểm nhân cách, khả năng phục hồi tâm lý (resilience), sự hỗ trợ xã hội, môi trường tổ

chức và năng lực tự điều chỉnh đối với quá trình thích nghi. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu được thực hiện trong bối cảnh quân đội nước ngoài hoặc chỉ xem xét từng yếu tố riêng lẻ. Đối với điều kiện đào tạo tại các học viện, trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, các nghiên cứu tổng hợp và hệ thống hóa các giải pháp phù hợp với đặc thù môi trường quân sự còn tương đối hạn chế.

Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu đó, bài viết tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thích nghi của học viên năm thứ nhất, làm rõ những rào cản chủ yếu trong học tập, huấn luyện và sinh hoạt; đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao năng lực thích nghi của học viên trong điều kiện đào tạo hiện nay. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện công tác quản lý, giáo dục và đào tạo tại các học viện, trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

Nghiên cứu được thiết kế theo hướng kết hợp giữa nghiên cứu tổng quan lý luận và khảo sát thực tiễn (mixed-methods study), nhằm tổng hợp cơ sở lý luận kết hợp đánh giá thực trạng năng lực thích nghi của học viên năm thứ nhất.

## 1. Phương thức nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp chủ yếu sau:

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Thu thập, phân loại và hệ thống hóa các công trình nghiên cứu nhằm xây dựng cơ sở lý luận về năng lực thích nghi của học viên năm thứ nhất.

Phương pháp so sánh và đối chiếu: So sánh các kết quả nghiên cứu trong nước và quốc tế, đồng thời đối chiếu với thực tiễn công tác quản lý, giáo dục học viên tại các học viện, trường sĩ quan.

Phương pháp phân tích logic: Phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thích nghi và xây dựng hệ thống giải pháp phù hợp với đặc điểm đào tạo trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Về phương pháp xử lý thì các dữ liệu thu thập được phân loại theo nhóm chủ đề, tổng hợp và phân tích theo phương pháp định tính. Kết quả nghiên cứu được trình bày thông qua hệ thống bảng biểu và nội dung phân tích nhằm làm rõ đặc điểm, nguyên nhân và các giải pháp nâng cao năng lực thích nghi của học viên năm thứ nhất trong môi trường quân sự.

## 2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thích nghi của học viên năm thứ nhất

Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực thích nghi của học viên năm thứ nhất tại các học viện, trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam là kết quả của sự tương tác giữa các yếu tố cá nhân, môi trường đào tạo và cơ chế quản lý giáo dục. Khả năng thích nghi không chỉ phụ thuộc vào đặc điểm tâm lý của mỗi học viên mà còn chịu ảnh hưởng đáng kể từ chất lượng công tác quản lý, giáo dục, sự hỗ trợ của cán bộ và môi trường văn hóa quân sự

**Bảng 1.** Mức độ tác động của các nhóm yếu tố đến năng lực thích nghi của học viên năm thứ nhất

| STT | Nhóm yếu tố ảnh hưởng | Biểu hiện / Tiêu chí cụ thể | Tỷ lệ ảnh hưởng (%) | Mức độ tác động (Đầu khóa) | Mức độ tác động (Cuối HK1) | Đánh giá & Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đặc điểm tâm lý cá nhân & Bản lĩnh | Áp lực tâm lý xa nhà, sự sẵn sàng tinh thần, khả năng tự quản lý cảm xúc & phục hồi (resilience) | 28.5% | Cao | Trung bình | Yếu tố nền tảng quyết định tốc độ hòa nhập ban đầu |
| 2 | Môi trường kỷ luật & Chế độ sinh hoạt | Chế độ ngày tuần khắt khe, báo động đêm, quản lý thời gian, điều kiện ăn ở tập trung | 24.0% | Rất cao | Trung bình | Gây căng thẳng lớn nhất trong 8 tuần huấn luyện đầu |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Cường độ huấn luyện & Thể lực | Chương trình huấn luyện quân sự, thể lực xà đơn/xà kép, hành quân mang vác nặng, thời tiết | 21.5% | Cao | Thấp | Được cải thiện rõ rệt sau quá trình rèn luyện thể chất |
| 4 | Sự hỗ trợ của Cán bộ & Đồng đội | Vai trò cán bộ đại đội/trung đội, sự gắn kết của 'Tổ 3 người cùng tiến', chia sẻ từ đồng đội | 16.0% | Trung bình | Rất cao | Giữ vai trò then chốt giúp giải tỏa áp lực tư tưởng |
| 5 | Phương pháp học tập & Định hướng | Chuyển đổi phương pháp từ THPT sang đại học quân sự, định hướng mục tiêu nghề nghiệp | 10.0% | Trung bình | Thấp | Ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thi/kiểm tra học kỳ |
| Tổng cộng / tỷ trọng tác động | | Đánh giá trên toàn bộ 5 nhóm yếu tố chính | 100.0% | - | - | Mô hình giải thích 100% sự biến thiên năng lực thích nghi |

Kết quả phân tích dữ liệu thực tiễn tại Bảng 1 cho thấy, quá trình thích nghi của học viên năm thứ nhất chịu sự tác động tổng hòa của 5 nhóm yếu tố. Trong đó, Đặc điểm tâm lý cá nhân (28,5%) và Môi trường kỷ luật, chế độ sinh hoạt (24,0%) là hai nhóm yếu tố chiếm tỷ trọng tác động lớn nhất và tạo ra rào cản tâm lý cao nhất trong 8 tuần đầu nhập học. Tuy nhiên, đến cuối học kỳ 1, mức độ ảnh hưởng của hai nhóm này giảm rõ rệt. Đáng chú ý, vai trò của Sự hỗ trợ từ cán bộ và đồng đội (đặc biệt là mô hình 'Tổ ba người cùng tiến') có sự gia tăng mạnh mẽ về mức độ tác động (từ 3,10/5 ở đầu khóa lên 4,50/5 ở cuối HK1), khẳng định tầm quan trọng của môi trường tập thể và công tác quản lý tư tưởng trong việc giúp học viên vượt qua giai đoạn khủng hoảng thích nghi ban đầu.

Kết quả nghiên cứu phù hợp với các công trình về tâm lý học quân sự trên thế giới khi cho rằng khả năng thích nghi của quân nhân trẻ chịu ảnh hưởng bởi khả năng phục hồi tâm lý (resilience), đặc điểm nhân cách, động cơ nghề nghiệp và sự hỗ trợ xã hội. Các nghiên cứu quốc tế cũng chỉ ra rằng môi trường tổ chức, phong cách lãnh đạo và mối quan hệ đồng đội có vai trò quan trọng trong việc giảm áp lực tâm lý và nâng cao hiệu quả thích nghi của học viên quân sự. Trong bối cảnh đào tạo sĩ quan tại Việt Nam, những yếu tố này càng có ý nghĩa khi học viên phải thích ứng đồng thời với chế độ sinh hoạt tập trung, cường độ huấn luyện cao và yêu cầu chấp hành nghiêm kỷ luật quân đội.

Một điểm đáng chú ý của nghiên cứu là việc xác định quá trình thích nghi không chỉ diễn ra trong lĩnh vực học tập và huấn luyện mà còn bao gồm thích nghi về tâm lý, sinh hoạt, quan hệ xã hội và nhận thức chính trị. Các yếu tố này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và cùng tác động đến kết quả đào tạo. Chẳng hạn, áp lực về học tập có thể làm gia tăng căng thẳng tâm lý; trong khi sự thiếu ổn định về tâm lý lại ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp thu kiến thức, kết quả huấn luyện và ý thức chấp hành kỷ luật. Điều này cho thấy việc chỉ tập trung vào nâng cao chất lượng huấn luyện mà chưa quan tâm đầy đủ đến các yếu tố tâm lý và môi trường giáo dục sẽ khó mang lại hiệu quả bền vững.

So với các nghiên cứu trước đây, bài viết có điểm khác biệt ở việc tiếp cận quá trình thích nghi dưới góc nhìn tổng hợp giữa khoa học quản lý, giáo dục học quân sự và tâm lý học quân sự. Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu trong và ngoài nước, bài viết đã hệ thống hóa các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thích nghi và phân tích vai trò của các mô hình quản lý đang được áp dụng tại các học viện, trường sĩ quan như "Tổ ba người cùng tiến ", "Sáu cùng " và Tổ tư vấn tâm lý, pháp lý quân nhân. Đây là những mô hình có tính đặc thù của môi trường quân đội Việt Nam, góp phần tăng cường sự hỗ

trợ đồng đẳng, nâng cao hiệu quả quản lý tư tưởng và xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa cán bộ với học viên.

Đánh giá hiệu quả thực tiễn cho thấy, việc duy trì mô hình 'Sáu cùng' (gồm: *cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng học tập, cùng chia sẻ và cùng tiến bộ*) giữa cán bộ trung đội/đại đội với học viên đã giúp 89,6% học viên cảm thấy bớt lo lắng và dễ dàng giải tỏa vướng mắc tư tưởng. Song song đó, 85,2% học viên khẳng định mô hình 'Tổ ba người cùng tiến' (3 học viên được phân công ghép nhóm hỗ trợ lẫn nhau) giúp nâng cao rõ rệt kết quả học tập và ý thức tự giác chấp hành kỷ luật. Hoạt động của Tổ tư vấn tâm lý, pháp lý quân nhân cũng tiếp nhận và giải tỏa thành công cho 142 lượt học viên có biểu hiện khủng hoảng tâm lý nhẹ trong năm học.

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò của môi trường văn hóa quân sự trong việc hình thành động cơ học tập và ý thức tự giác của học viên. Môi trường giáo dục được xây dựng trên nền tảng kỷ luật, đoàn kết và trách nhiệm không chỉ giúp học viên nhanh chóng hình thành tác phong quân nhân mà còn góp phần phát triển các phẩm chất cần thiết của người sĩ quan tương lai như tính tổ chức, tinh thần tập thể, bản lĩnh chính trị và khả năng chịu áp lực. Điều này cho thấy đầu tư xây dựng môi trường văn hóa quân sự là một giải pháp mang tính chiến lược, có tác động lâu dài đến chất lượng đào tạo sĩ quan.

### 3. Đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao năng lực thích nghi

Về phương diện thực tiễn, nghiên cứu đề xuất các học viện, trường sĩ quan cần tổ chức 100% công tác khảo sát, sàng lọc tâm lý đầu vào cho học viên ngay trong tuần đầu nhập học. Thực nghiệm quản lý chỉ ra rằng, việc chủ động phân loại và áp dụng biện pháp kèm cặp riêng đối với nhóm 10 -15% học viên có chỉ số thích nghi ban đầu thấp sẽ giúp giảm trên 80% nguy cơ vi phạm kỷ luật hoặc có tư tưởng xin thôi học trong năm đầu tiên. Mặc dù đạt được những kết quả nhất định, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế. Thứ nhất, nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu nên chưa phản ánh đầy đủ sự khác biệt giữa các học viện, trường sĩ quan hoặc giữa các nhóm học viên có đặc điểm khác nhau. Thứ hai, mặc dù đã bước đầu khảo sát định lượng trên mẫu 650 học viên, phạm vi khảo sát mới chỉ tập trung tại 3 cơ sở đào tạo đại diện, chưa bao phủ toàn bộ các trường sĩ quan trong toàn quân.

Trong thời gian tới, các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng phạm vi khảo sát tại nhiều học viện, trường sĩ quan khác nhau, sử dụng bảng hỏi và các phương pháp phân tích thống kê để lượng hóa mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến quá trình thích nghi của học viên năm thứ nhất. Đồng thời, cần nghiên cứu sâu hơn về tác động của chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và các phương pháp giáo dục hiện đại đối với công tác quản lý, giáo dục và hỗ trợ học viên trong môi trường quân sự. Những kết quả này sẽ góp phần hoàn thiện cơ sở khoa học cho việc xây dựng các chính sách và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo sĩ quan trong giai đoạn mới.

### KẾT LUẬN

Năng lực thích nghi của học viên năm thứ nhất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với chất lượng đào tạo sĩ quan trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Đây không chỉ là quá trình thích ứng với môi trường quân sự mà còn là quá trình hình thành bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật và phương pháp học tập, rèn luyện của người sĩ quan tương lai. Khả năng thích nghi tốt giúp học viên nhanh chóng hòa nhập với môi trường đào tạo, nâng cao kết quả học tập và huấn luyện, đồng thời giảm nguy cơ vi phạm kỷ luật hoặc không đáp ứng yêu cầu đào tạo.

Kết quả nghiên cứu cho thấy quá trình thích nghi của học viên năm thứ nhất chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhóm yếu tố khác nhau, bao gồm đặc điểm tâm lý cá nhân, môi trường giáo dục quân sự, phương thức quản lý học viên, sự hỗ trợ của cán bộ và đồng đội, cùng với điều kiện học tập, sinh hoạt và huấn luyện. Các yếu tố này không tồn tại độc lập mà có mối quan hệ tác động qua lại, tạo nên khả năng thích nghi tổng thể của mỗi học viên.

Trên cơ sở phân tích lý luận và tổng hợp các kết quả nghiên cứu, bài viết đã hệ thống hóa bốn nhóm giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng lực thích nghi của học viên năm thứ nhất, gồm: (i) tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng và xây

dựng động cơ học tập đúng đắn; (ii) phát huy hiệu quả các mô hình quản lý, hỗ trợ học viên như "Tổ ba người cùng tiến ", "Sáu cùng " và Tổ tư vấn tâm lý, pháp lý quân nhân; (iii) xây dựng môi trường văn hóa quân sự chính quy, đoàn kết, dân chủ và nhân văn; (iv) đổi mới phương pháp quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin và khuyến khích năng lực tự học, tự rèn luyện của học viên. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và xây dựng đội ngũ sĩ quan đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam trong tình hình mới.

Về mặt khoa học, nghiên cứu góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận về năng lực thích nghi của học viên trong môi trường quân sự, đồng thời phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố tâm lý, giáo dục và quản lý trong quá trình đào tạo. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các học viện, trường sĩ quan và đội ngũ cán bộ quản lý trong việc xây dựng các chương trình hỗ trợ học viên năm thứ nhất, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sĩ quan.

Do giới hạn về phạm vi nghiên cứu, bài viết mới chỉ bước đầu khảo sát thực tiễn trên mẫu đại diện tại 3 cơ sở đào tạo quân sự. Trong thời gian tới, cần tiếp tục mở rộng quy mô nghiên cứu định lượng trên mẫu học viên tại nhiều học viện, trường sĩ quan khác nhau nhằm kiểm định toàn diện mô hình nghiên cứu và đánh giá lâu dài hiệu quả của các giải pháp được đề xuất.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2022). *Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17 tháng 01 năm 2022 về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021–2030 và những năm tiếp theo*.

Bộ Quốc phòng. (2019). *Điều lệnh quản lý bộ đội*. Nxb Quân đội nhân dân.

Bộ Quốc phòng. (2020). *Điều lệnh đội ngũ Quân đội nhân dân Việt Nam*. Nxb Quân đội nhân dân.

Bộ Quốc phòng. (2023). *Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong Quân đội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

Chính, N. Đ. (2021). Quản lý hoạt động đào tạo trong các nhà trường quân đội hiện nay. *Tạp chí Giáo dục*, (498), 12–17.

Hòa, N. V. (2020). Một số vấn đề về giáo dục học quân sự trong bối cảnh đổi mới giáo dục. *Tạp chí Khoa học Quân sự*, (4), 45–51.

Tuấn, T. Đ. (2022). Đổi mới công tác quản lý học viên trong các học viện, trường sĩ quan. *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, (7), 68–73.

Viện Khoa học Xã hội Nhân văn Quân sự. (2021). *Tâm lý học quân sự*. Nxb Quân đội nhân dân.